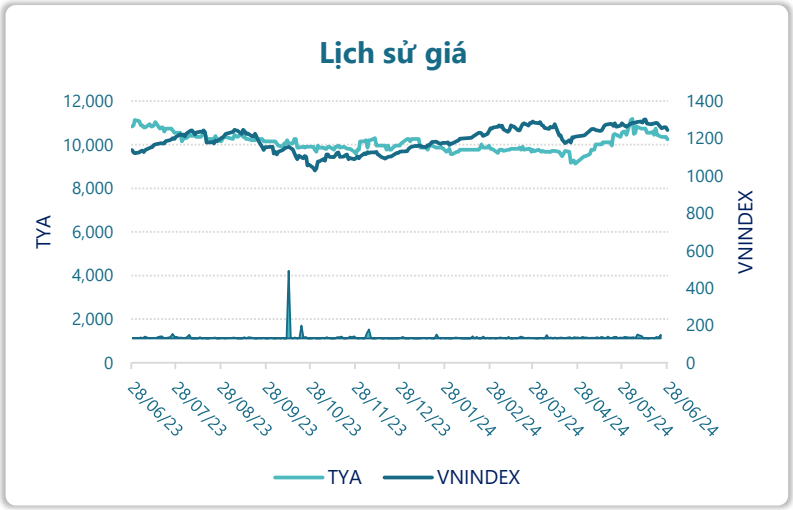
FireAnt

CTCP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (HSX: TYA)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,250**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,180
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,129
SL cổ phiếu LH	30,680,582
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,340
% sở hữu nước ngoài	38.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	314
P/E	8.1
EPS	1,273

DT thuần

Q2/24

483

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 116| 31.5%

YoY: ▲ 141| 41.1%

LN sau thuế

Q2/24

19.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.40| 29.5%

YoY: ▲ 24.3| 486%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

6.3%

+/- YoY: ▲ 4.7%

DT thuần

6T 2024

850

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 130| 18.0%

LN sau thuế

6T 2024

34.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.1| 4020%

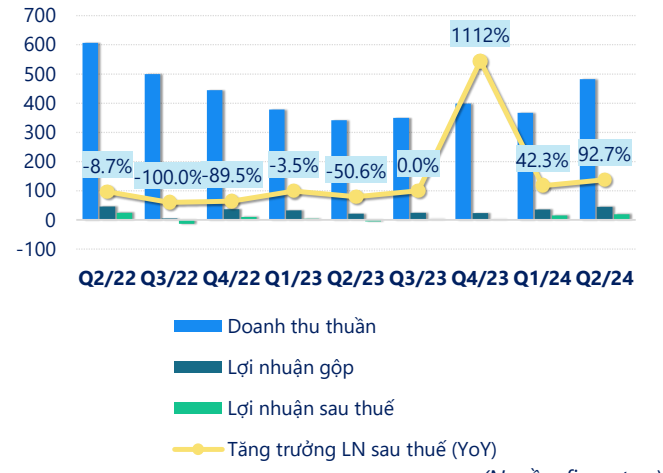
ROE

Q2/24

7.9%

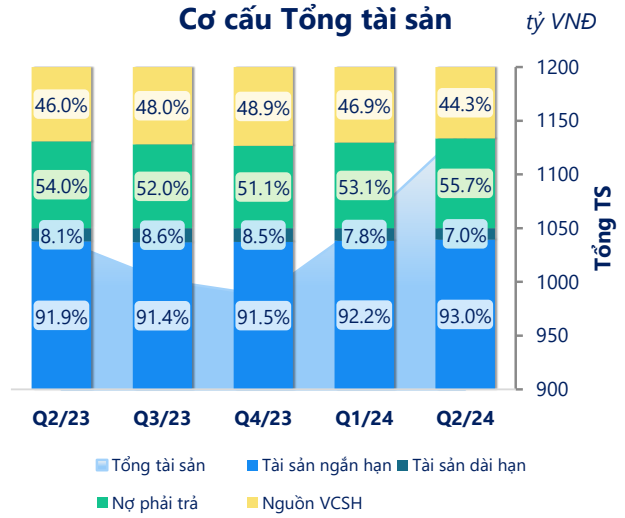
+/- YoY: ▲ 8.8%

Kết quả kinh doanh



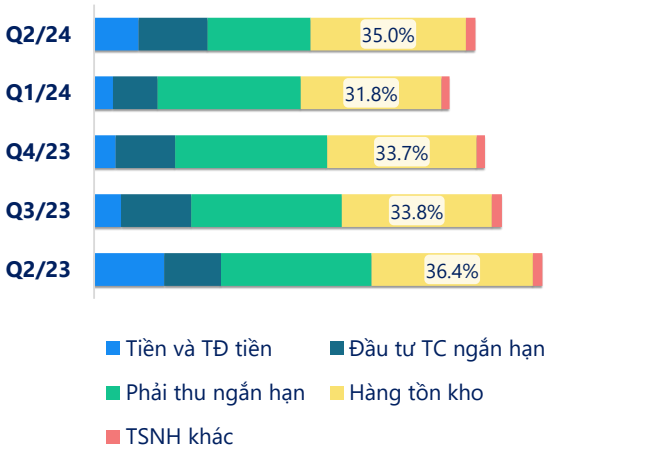
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



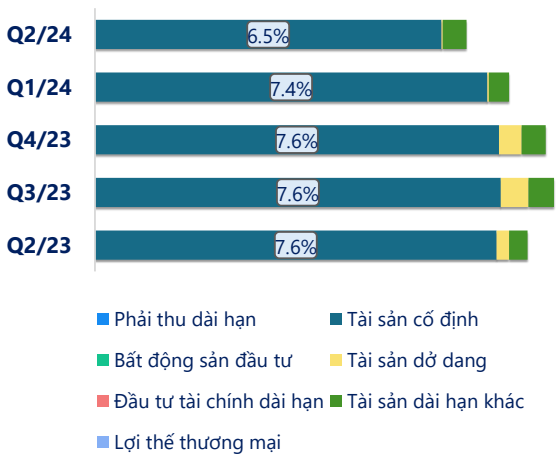
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



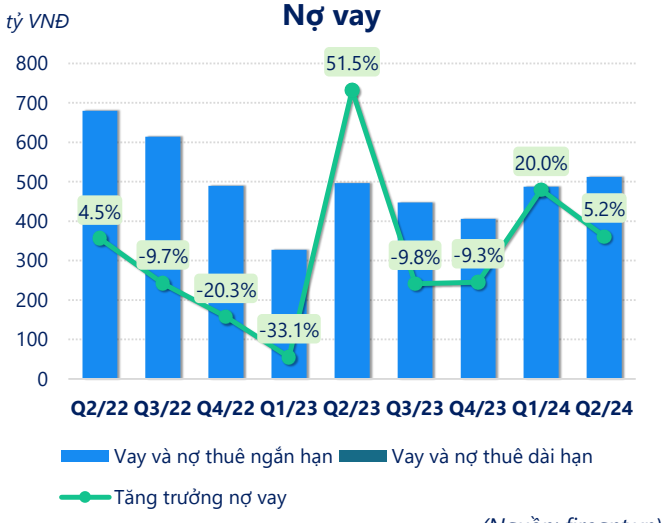
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



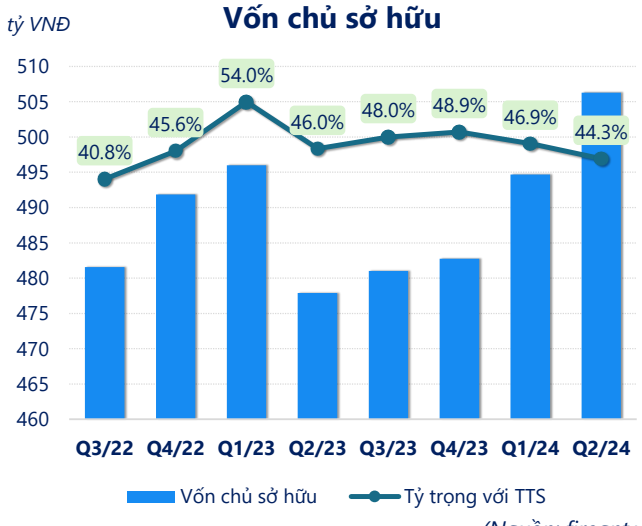
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



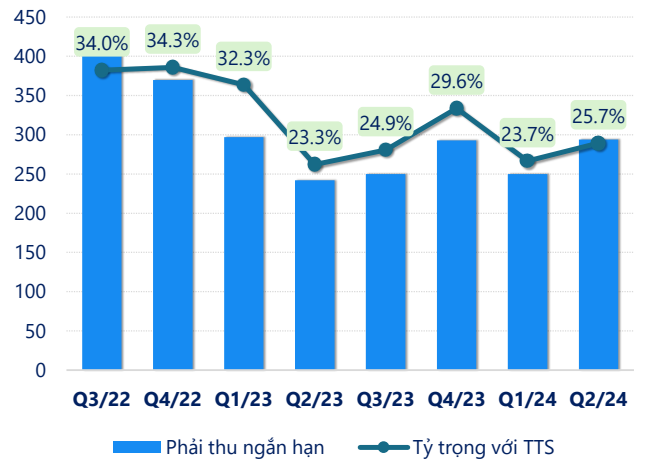
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



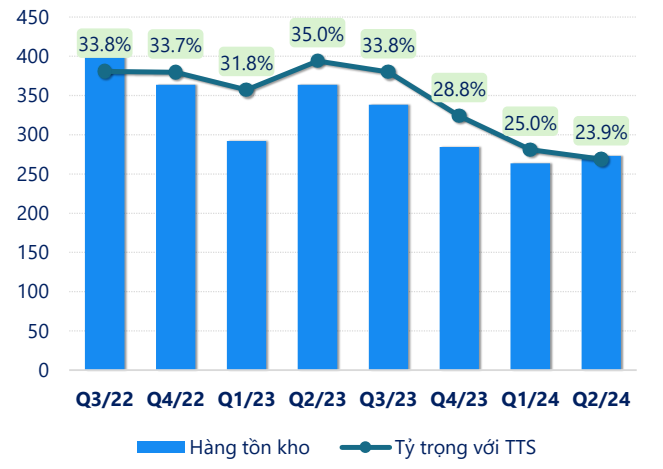
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



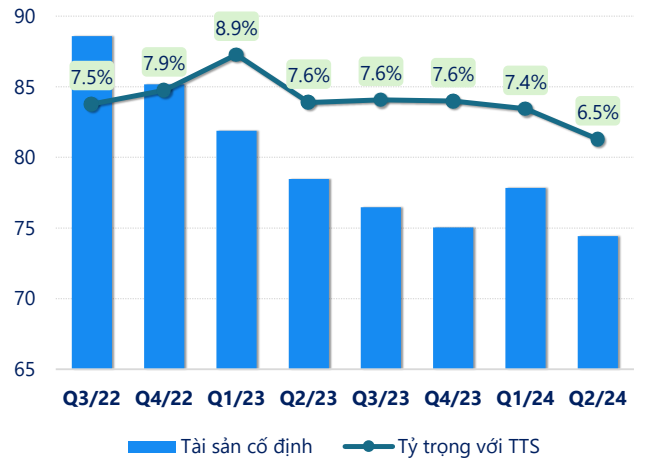
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



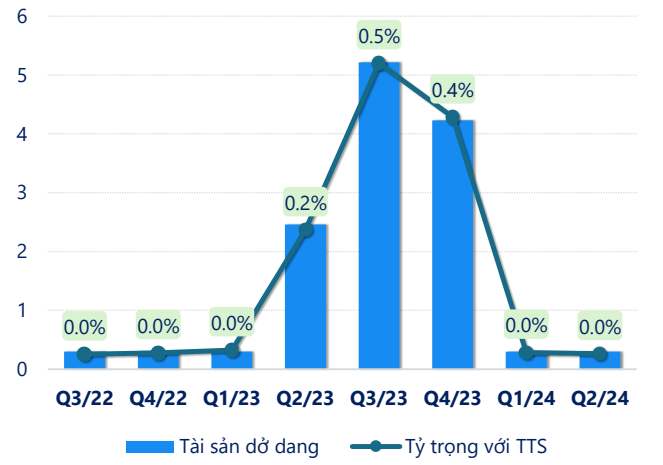
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



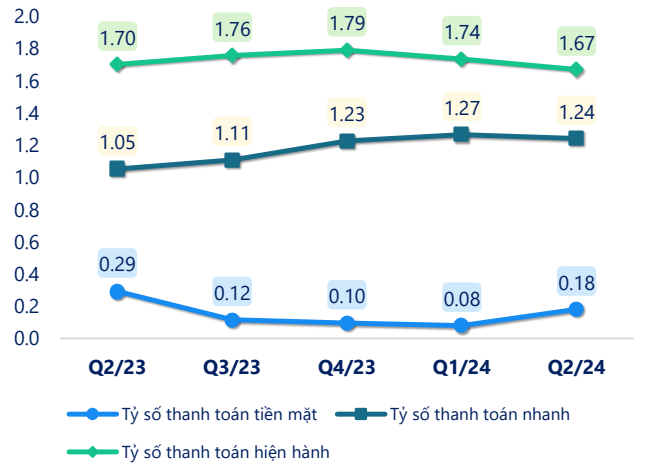
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



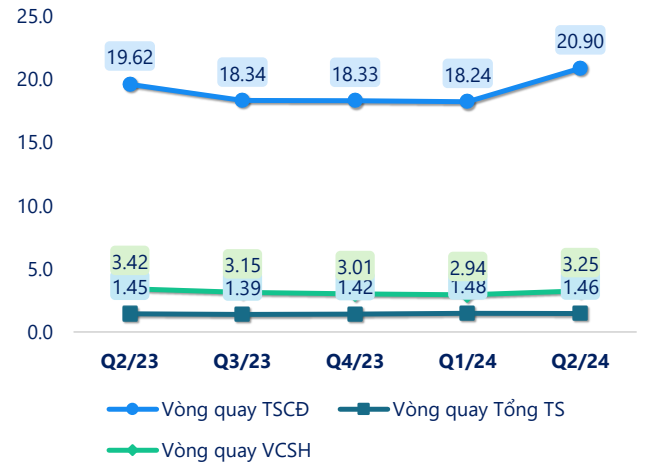
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,039**	**1,002**	**988**	**1,055**	**1,142**
Tài sản ngắn hạn	**954**	**915**	**904**	**973**	**1,062**
Tiền và tương đương tiền	164	60.7	48.1	44.9	115
Đầu tư tài chính ngắn hạn	162	236	269	396	361
Phải thu ngắn hạn	242	250	293	250	294
Hàng tồn kho	364	338	284	264	273
Tài sản ngắn hạn khác	22.7	30.1	9.90	18.2	19.7
Tài sản dài hạn	**84.5**	**86.5**	**83.7**	**82.1**	**79.8**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	78.5	76.5	75.0	77.8	74.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.46	5.21	4.23	0.30	0.30
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.58	4.79	4.45	4.00	5.11
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**561**	**521**	**505**	**560**	**636**
Nợ ngắn hạn	**561**	**521**	**505**	**560**	**636**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	496	448	406	487	512
Phải trả người bán ngắn hạn	13.9	9.61	31.1	13.1	14.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**478**	**481**	**483**	**495**	**506**
Vốn chủ sở hữu	**478**	**481**	**483**	**495**	**506**
Vốn điều lệ	307	307	307	307	307
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)